

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D2B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht : 5 5 5 3								
				Số thứ tự : (1) (2) (3) (4)								
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011038	Chu Văn	Nghĩa	28/09/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
2	16011031	Bùi Hồng	Ngọc	29/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
3	16011028	Nguyễn Thị	Nguyệt	10/10/2003	7.7	7.8	7.3	8.0	7.7	Khá		
4	16011010	Tĩnh Kim	Oanh	31/01/2004	7.5	7.7	7.4	7.9	7.6	Khá		
5	16011026	Vàng Thị	Pàng	21/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
6	16011025	Nguyễn Thị Như	Phượng	01/12/2004	7.4	7.8	7.7	7.8	7.7	Khá		
7	16011026	Lường Thị	Phượng	13/07/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
8	16011030	Phạm Hồng	Quân	25/08/2004	7.8	7.9	7.4	7.9	7.7	Khá		
9	16011030	Tạ Thị Thu	Quỳnh	08/07/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
10	16011029	Trần Thị Như	Quỳnh	05/12/2003	7.5	7.7	7.9	8.2	7.8	Khá		
11	16011027	Nguyễn Minh	Tâm	12/06/2004	7.9	2.9	6.9	7.7	6.2	T.bình khá		1=25.0%(2:0)
12	16011029	Đàm Thị	Thanh	21/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
13	16011028	Nguyễn Đức	Thành	26/08/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
14	16011012	Giàng A	Thành	27/09/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
15	16011031	Vũ Thị	Thảo	08/06/2003	7.4	7.9	7.1	7.9	7.5	Khá		
16	16011022	Nguyễn Thị	Thảo	09/07/2004	7.6	8.0	7.2	8.0	7.7	Khá		
17	16011027	Quảng Thị	Thắm	17/09/2004	8.2	8.0	7.2	8.3	7.9	Khá		
18	16011030	Nguyễn Đức	Tiếp	12/04/2002	3.6	0.0	4.7	2.8	2.8	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
19	16011021	Nguyễn Thị Phương	Trang	23/09/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)

				Số Đvht : 5 5 5 3								
				Số thứ tự : (1) (2) (3) (4)								
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011022	Lê Quỳnh	Trang	19/12/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
21	16011023	Triệu Thu	Trang	08/10/2004	8.4	8.1	7.5	7.7	8.0	Giỏi		
22	16011023	Trần Thị Thu	Trang	20/11/2004	7.4	8.0	7.6	7.9	7.7	Khá		
23	16011030	Vũ Thị Thùy	Trang	10/04/2004	7.4	8.1	7.4	8.0	7.7	Khá		
24	16011031	Nguyễn Thùy	Trang	25/09/2004	8.1	8.0	7.7	7.9	7.9	Khá		
25	16011019	Đỗ Thu	Trang	20/07/2001	4.0	8.4	7.4	8.2	6.9	T.bình khá		1=25.0%
26	16011030	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/10/2004	7.4	8.1	7.1	7.8	7.6	Khá		
27	16011030	Lê Anh	Tuấn	19/08/2003	3.6	0.0	0.0	2.8	1.5	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
28	16011022	Nguyễn Thị	Tươi	06/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
29	16011026	Tổng Thị Minh	Xuân	21/02/2003	7.7	8.0	7.6	8.0	7.8	Khá		
30	16011030	Nguyễn Hải	Yến	18/07/2022	7.3	7.7	7.4	7.7	7.5	Khá		
31	16011029	Viên Ngọc	Yến	05/05/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.2%), Khá: 14 (45.2%), T.bình khá: 2 (6.5%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 14 (45.2%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) BC: BẢO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỠC VÀ PC DƯỠC (3) DLLS: DƯỠC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT